| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**<br>**TỈNH AN GIANG**<br>Bản án số:61/2018/DS-ST<br>Ngày 06/11/ 02018<br>V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có* :**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Minh Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan.

2. Ông Đặng Hữu Tấn.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên***: Không tham gia.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2018/TLST–DS ngày 24/7/2018 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng H, sinh năm 1976. (Có mặt)

Nơi cư trú: khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Minh L, sinh năm 1964; Nơi cư trú: khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Cao Thị Hồng Cúc chứng nhận ngày 18/8/2018). (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Trần Văn T, sinh năm 1957 (Có mặt)

2.2 Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1951 (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng H do bà Nguyễn Minh L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị P là bạn của cha, mẹ chị H nên chị coi như người thân; và ông T, bà P có hỏi vay tiền của chị để làm ăn nhiều lần.

Ngày 24/3/2014, ông T và bà P tổng kết số tiền còn nợ chị H và viết biên nhận cùng ngày, nội dung: nợ gốc là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi cũ còn lại: 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, không quy định thời gian trả. Nhưng sau khi kết nợ thì ông T và bà P không đóng lãi, nói là làm ăn thất bại, chờ bán đất sẽ trả cả vốn và lãi cho chị H. Vì chỗ thân tình với cha, mẹ chị nên chị H cũng chờ. Nay chị H có nhu cầu lấy lại vốn để làm ăn nên có nhắc trả nợ thì ông T, bà P nói "chừng nào trúng số mới có tiền trả, còn không thì đi thưa đi". Vì bức xúc với thái độ của ông T và bà P, nên chị H khởi kiện yêu cầu:

+ Buộc ông T và bà P trả nợ gốc 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo luật định kể từ ngày 24/3/2014 đến nay.

+ Trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi cũ còn nợ.

Tại phiên tòa, bà L đại diện ủy quyền của chị H xác định: chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý không tính lãi phần tiền vốn gốc 450.000.000đ theo lãi suất pháp luật quy định từ ngày 24/3/2014 đến ngày xét xử, vì thời gian qua phía ông T, bà P không thể hiện thiện chí trả nợ.

* Tại đơn xin nêu ý kiến ngày 03/8/2018 của bị đơn ông Trần Văn T và lời khai tại Tòa án bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P trình bày ý kiến:

Ngày 25/01/2011, vợ chồng ông bà có vay của chị Trần Thị Hồng H với số tiền 800.000.000đ, lãi suất 3%/ tháng. Sau đó vào khoảng tháng 9 năm 2012 ông có trả dần số tiền 350.000.000đ nên còn lại số tiền 450.000.000đ với lãi suất 3%. Tuy nhiên do vợ chồng ông gặp nhiều khó khăn nên không tiếp tục trả lãi cho chị H. Đến ngày 24/3/2014, chị H có đến nhà và ông bà đã làm biên nhận với số tiền còn nợ lại là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất hạ xuống còn 2%/tháng và tiền nợ lãi còn lại trước đây là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Ông bà xác định còn nợ chị H số tiền vốn vay 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và nợ tiền lãi là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Nay ông bà đồng ý trả cho chị H số tiền 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng) còn nợ nêu trên. Tuy nhiên, hiện ông bà đang gặp khó khăn xin sẽ trả từ từ số tiền trên khi có điều kiện và vì trước đây đã yêu cầu chị H lấy tài sản để trừ nợ nhưng chị H không đồng ý, nay đã không còn tài sản do trả cho người khác nên không phải lỗi của ông bà, do đó ông bà không đồng ý trả lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vốn 450.000.000đ. Đồng thời, do ông bà lớn tuổi nên

yêu cầu Tòa án xem xét cho ông bà miễn giảm án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc chị Trần Thị Hồng H yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng), gồm tiền vốn vay 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và nợ tiền lãi là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Căn cứ vào tờ nhận nợ và thương lượng ngày 24/3/2014 người nhận tiền Trần Văn T và Nguyễn Thị P thể hiện: Tôi tên Trần Văn T có mượn số tiền của cháu Trần Thị Hồng H là: lãi cũ là 10.000.000đ, vốn còn là 450.000.000đ, lãi 2%/tháng. Nay chị H và ông T, bà P đều thống nhất: ông T và bà P có vay tiền của chị H và còn nợ chị H số tiền vốn vay 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và nợ tiền lãi 10.000.000đ (mười triệu đồng) như biên nhận đã viết ngày 24/3/2014 nêu trên. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định ông T và bà P có vay tiền của chị H và còn nợ chị H số tiền vốn vay 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và nợ tiền lãi 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Do ông T và bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị H yêu cầu ông T và bà P phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền nợ trên. Ông T, bà P cũng đồng ý trả cho chị H số tiền 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng) còn nợ, gồm tiền vốn vay 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và nợ tiền lãi 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhưng cho rằng đang gặp khó khăn nên thanh toán từ từ khi có nguồn tiền. Chị H do bà L đại diện ủy quyền không đồng ý cho ông T và bà P kéo dài thời gian trả tiền nên không có đủ cơ sở xem xét chấp nhận ý kiến xin trả dần tiền nợ của ông T, bà P. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở để chấp nhận, buộc ông T và bà P phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng), gồm tiền vốn vay 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và nợ tiền lãi 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[2] Về việc chị Trần Thị Hồng H yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P phải liên đới trả tiền lãi theo lãi suất của pháp luật quy định đối với số tiền vốn 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) tính từ ngày 24/3/2014 đến ngày xét xử.

Xét thấy, theo tờ nhận nợ và thương lượng ngày 24/3/2014 thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng – cao hơn pháp luật quy định nên cần phải điều chỉnh. Đồng thời, các đương sự xác định từ ngày viết biên nhận 24/3/2014 đến nay, ông T và bà P chưa trả khoản tiền lãi nào cho chị H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại cho chị H thời gian qua. Ông T và bà P cho rằng vì trước đây đã yêu cầu chị H lấy tài sản để trừ nợ nhưng chị H không đồng ý, nay đã không còn tài sản do trả cho người khác nên không phải lỗi của ông bà, do đó ông bà không đồng ý trả lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vốn

450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Việc ông T bà P trình bày không được chị H do bà L đại diện ủy quyền đồng ý và vẫn yêu cầu tính lãi theo lãi suất pháp luật quy định đối với số tiền vốn 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tính từ ngày 24/3/2014 đến ngày xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ý kiến của ông T và bà P. Vì vậy, việc yêu cầu tính lãi theo lãi suất pháp luật qui định từ ngày 24/3/2014 đến khi Tòa án xét xử của chị H đối với số tiền vốn 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Áp dụng Quyết định số 2868/QĐ.NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam để tính lãi đối với số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng):

Thời gian từ ngày 24/3/2014 đến ngày xét xử (ngày 06/11/2018) là 04 năm 07 tháng 13 ngày. Cụ thể như sau:

450.000.000đ x 04 năm 07 tháng 13 ngày x 13.5% = 280.631.000đ (hai trăm tám mươi triệu, sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Như vậy, tổng cộng tiền vốn và lãi ông T và bà P phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị H là: 460.0000.0000đ + 280.631.000đ = 740.631.000đ (bảy trăm bốn mươi triệu, sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của chị H được chấp nhận toàn bộ nên được nhận lại số tiền 11.200.000đ (mười một triệu, hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009717 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông T và bà P phải liên đới nộp số tiền 33.625.000đ (ba mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Do ông T và bà P là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn, giảm một phần án phí, tạm ứng án phí ngày 11/9/2018 nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho ông T và bà P miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 562, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng H.

Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị Hồng H số tiền 740.630.000đ (bảy trăm bốn mươi triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó tiền vốn 460.0000.0000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng) gồm tiền vốn gốc 450.000.000đ, tiền nợ lãi 10.000.000đ; và tiền lãi của số tiền vốn gốc 450.000.000đ là 280.631.000đ (hai trăm tám mươi triệu, sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Hồng H được nhận lại số tiền 11.200.000đ (mười một triệu, hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009717 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND.AG;
- VKSND.TPLX;
- THA TPLX;
- Đương sự "Để thi hành";

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ ./..

**Phạm Thị Minh Châu**